

BẢNG DỰ KIẾN TỶ LỆ PHÂN BỐ SỐ SUẤT HỌC BỔNG NGÂN HÀNG NĂM HỌC 2020 - 2021
(Theo Quyết định số 1579/QĐ-NHNN ngày 10/8/2012 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Học bổng Ngân hàng và tổng kinh phí cấp Học bổng Ngân hàng năm học 2020 - 2021 được phân bổ về Trường)

STT	Loại học bổng hoặc khen thưởng	Số SV đủ điều kiện xét, cấp HBNH	Số suất học bổng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ phân bổ số suất Học bổng Ngân hàng	Ghi chú
I	Tổng kinh phí cấp học bổng, khen thưởng dự kiến phân bổ cho Trường				870.000.000		
II	Tổng kinh phí dự kiến phân bổ số suất học bổng, khen thưởng tại Trường		79		868.000.000		
1	Khen thưởng Thủ khoa		2	4.000.000	8.000.000		
1.1	Khen thưởng Thủ khoa tốt nghiệp		1	4.000.000	4.000.000	01 sinh viên có ĐTBCT toàn khóa tốt nghiệp cao nhất khóa 33 (niên khóa: 2017 - 2021).	
1.2	Khen thưởng Thủ khoa tuyển sinh		1	4.000.000	4.000.000	01 sinh viên có điểm trúng tuyển vào trường cao nhất, không tính điểm cộng (ưu tiên: khu vực / đối tượng, ...).	Hiện chưa tuyển sinh xong nên P.Đào tạo sẽ cung cấp sau.
2	Học bổng đặc biệt của Thống đốc	90	9	20.000.000	180.000.000	Tỷ lệ phân bổ mỗi khóa không vượt quá 50% và không vượt quá 20 suất đối với 2 Trường (gồm: Học viện Ngân hàng và Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM).	Dự kiến không vượt quá 9 suất đối với Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM

STT	Loại học bổng hoặc khen thưởng	Số SV đủ điều kiện xét, cấp HBNH	Số suất học bổng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ phân bổ số suất Học bổng Ngân hàng	Ghi chú
2.1	ĐH khóa 33 và CLC khóa 5	4	2	20.000.000	40.000.000	22,22%	Từ 9,14 điểm trở lên.
2.2	ĐH khóa 34 và CLC khóa 6	48	3	20.000.000	60.000.000	33,33%	Từ 9,45 điểm trở lên.
2.3	ĐH khóa 35, CLC khóa 7 và QTSB khóa 1.	29	2	20.000.000	40.000.000	22,22%	Từ 9,47 điểm trở lên.
2.4	ĐH khóa 36, CLC khóa 8 và QTSB khóa 2.	9	2	20.000.000	40.000.000	22,22%	Từ 9,3 điểm trở lên.
3	Học bổng của ngành Ngân hàng	1.193	68	10.000.000	680.000.000	Tỷ lệ phân bổ mỗi khóa không vượt quá 40%.	
3.1	ĐH khóa 33 và CLC khóa 5	13	13	10.000.000	130.000.000	19,12%	Từ 8,25 điểm trở lên.
3.2	ĐH khóa 34 và CLC khóa 6	446	19	10.000.000	190.000.000	27,94%	Từ 9,12 điểm trở lên (với 44TC, ĐRL: 93,5 điểm).
3.3	ĐH khóa 35, CLC khóa 7 và QTSB khóa 1.	351	18	10.000.000	180.000.000	26,47%	Từ 9,08 điểm trở lên.
3.4	ĐH khóa 36, CLC khóa 8 và QTSB khóa 2.	383	18	10.000.000	180.000.000	26,47%	Từ 8,92 điểm trở lên.
III	CHÊNH LỆCH (I - II):				2.000.000	(Dư 2 triệu đồng).	